

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **185/2022/DS-ST**
Ngày: 26 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tập và ông Nguyễn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H'Mi Chan Niê - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2022/TLST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2022/QĐXX-DSST ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng)

Địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T - Nhân viên ngân hàng

Địa chỉ: 130-132 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Văn V

Địa chỉ: Hẻm 171 N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quang T trình bày:

Vào ngày 13/07/2020 ông Trần Văn V có ký kết với Ngân Hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng. Số thẻ được cấp là 970403 -

7746 với lãi suất thỏa thuận là 2.6%/tháng. Căn cứ theo thu nhập của Ông Trần Văn V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Trần Văn V đã thực hiện các giao dịch nhiều lần với số tiền giao dịch là 120.000.000 đồng nhưng ông V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 22/12/2021. Qua nhiều lần gọi điện thoại, gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Trần Văn V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Trần Văn V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, sau khi quá hạn Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và dư nợ còn thiếu đã chuyển nợ quá hạn, vi phạm điều 23 của phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tổng số tiền ông V còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 34.934.296 đồng và lãi quá hạn là 12.579.955 đồng, tổng cộng là 47.514.251 đồng. Dư nợ được tính như sau: = Số tiền giao dịch – (Số tiền thanh toán – Phí, lãi). Trong đó: Số tiền giao dịch: 120.000.000 đồng; Số tiền thanh toán: 98.480.341 đồng; Tổng các khoản phí: 2.179.672 đồng; Tổng tiền lãi: 11.234.965 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở, yêu cầu ông Trần Văn V có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng. Tuy nhiên Ông Trần Văn V vẫn không thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng. Do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân Hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết buộc ông V trả số tiền nợ nêu trên và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. *Đối với bị đơn ông Trần Văn V* : Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ 47.514.251 đồng và bị đơn tiếp tục chịu lãi suất cho đến khi xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng; Về án phí và chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu; Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại nơi ông V cư trú nhưng ông V không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ do đại diện của nguyên đơn cung cấp và kết quả giám định chữ ký, chữ viết của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *“Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Văn V trong mẫu giám định (giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Trần Văn V trong mẫu so sánh (Biên bản giao nhận, giấy tờ hồ sơ, tài liệu đề ngày 04/8/2022) là do cùng một người ký, viết ra”*.

Như vậy đã có đủ căn cứ chứng minh được rằng ngày 13/7/2020 ông Trần Văn V có giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân Hàng TMCP S và được ngân hàng duyệt hạn mức để cấp thẻ tín dụng với số tiền là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với số tiền 120.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán hết cho ngân hàng số tiền nợ. Dư nợ tính đến ngày 26/9/2022 là 34.934.296 đồng và lãi quá hạn là 12.579.955 đồng. Tổng số tiền phải trả tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 47.514.251 đồng. Đến nay ông V vẫn chưa trả cho ngân hàng số tiền trên nên ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V phải trả số tiền trên và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4]. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Trần Văn V phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm và tiền giám định chữ ký, chữ viết. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột và chi phí tố tụng sau khi thu được từ bà ông Viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, 147, Điều 161; Điều 162; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 267, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S .

1. Buộc ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân Hàng TMCP S

tổng số tiền nợ là 47.514.251đồng. Trong đó nợ gốc là 34.934.296 đồng; Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2022 là 12.579.955 đồng. Kể từ ngày 27/9/2022 ông V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2.Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Trần Văn V phải chịu 2.375.712 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 5.100.000đồng tiền giám định chữ ký, chữ viết. Trả lại cho Ngân Hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí là 1.013.000đồng do ông Lê Quang Trung đã nộp theo biên lai số 0012958 ngày 25/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột và 5.100.000đồng tiền giám định chữ ký, chữ viết sau khi thu được từ ông Trần Văn Viên.

3.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai